

Ngọc Hồi, ngày 22 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 41/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V. Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện N, tỉnh K;

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C; Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị C tự nguyện thỏa thuận; tính đến ngày 14 tháng 01 năm 2019, bà Nguyễn Thị C công nhận còn nợ bà Nguyễn Thị V tổng số tiền là 925.040.000đ(Chín trăm hai mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là 900.000.000đ(Chín trăm triệu đồng); tiền lãi là 25.040.000đ (Hai mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị C đồng ý trả toàn bộ số tiền là 925.040.000đ(Chín trăm hai mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị V. Thời hạn bà Nguyễn Thị C trả nợ cho bà Nguyễn Thị V là ngày 29/3/2019.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015, kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bên được thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được qui định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

-Về án phí: Căn cứ Điều 144, Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 7, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 19.875.000đ(Mười chín triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trả lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.626.000đ(Mười hai triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2016/0000216 ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Hành